

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16/01/2023

“V/v tranh chấp ly hôn, con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Thanh Dung

2. Ông Dương Minh Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kiều Hoanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Việt Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 293/2022/TLST-HN ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn, con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2022/QĐXXST-HN ngày 09 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1982; trú tại: Thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam

- Bị đơn: Ông Nguyễn Nhật B, sinh năm: 1976; trú tại: Thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hồng P, sinh năm: 1998; trú tại: Thôn K, xã C, huyện P, tỉnh B Định

(Bà T, bà Phượng có mặt; ông B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà và ông B tự nguyện sống chung và đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Trong quá trình chung sống bà T và ông B có 03 con chung tên Nguyễn Nhật Ng, sinh ngày 16/9/2001; Nguyễn Thị Y, sinh ngày 15/02/2004 và Nguyễn Nhật Á, sinh ngày 31/10/2013.

Bắt đầu từ năm 2013, vợ chồng bà T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông B không quan tâm đến tình cảm vợ chồng; mâu thuẫn ngày

càng trầm trọng, bà T và ông B không có tiếng nói chung, hai người sống ly thân từ đầu năm 2015 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn, chấm dứt hôn nhân với ông Nguyễn Nhật B.

Về con chung: Đối với 02 con chung Nguyễn Nhật Ng, sinh ngày 16/9/2001 và Nguyễn Thị Y, sinh ngày 15/02/2004 đã đủ tuổi trưởng thành và tự lập về cuộc sống nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với con chung Nguyễn Nhật A, sinh ngày 31/10/2013 cho bà T yêu cầu giao cho bà nuôi dưỡng; yêu cầu ông B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đồng/ tháng cho đến khi con chung đến đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: thống nhất ý kiến của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Nhật B đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tài liệu, chứng cứ và hoà giải và đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng vắng mặt.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Riêng đối với bị đơn ông B vi phạm pháp luật tố tụng dân sự; Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Nhật B. Về con chung: giao con chung Nguyễn Nhật A, sinh ngày 31/10/2013 cho bà T nuôi dưỡng; yêu cầu ông B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đồng/ tháng cho đến khi con chung đến đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham gia tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Nhật B theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo thì ông Nguyễn Nhật B có đăng ký thường trú tại thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Ông B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Nhật B tự nguyện

tìm hiểu, chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T 2, huyện N, tỉnh Quảng Nam vào năm 2008 tại số 04/2008. Vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông B hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống do tính cách không hòa hợp nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do cả hai bất đồng quan điểm sống không thể giải quyết được, tình cảm của hai vợ chồng không còn, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Bà T xin ly hôn với ông B vì mục đích của hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn kéo dài không hàn gắn được. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét chấp nhận cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Nhật B là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Bà T và ông B có 03 con chung tên Nguyễn Nhật Ng, sinh ngày 16/9/2001; Nguyễn Thị Y, sinh ngày 15/02/2004 và Nguyễn Nhật Â, sinh ngày 31/10/2013. Đối với các con chung Nguyễn Nhật Ng, sinh ngày 16/9/2001; Nguyễn Thị Y, sinh ngày 15/02/2004 đã đủ 18 tuổi, tự lập về kinh tế nên không đề nghị xem xét giải quyết; đối với con chung Nguyễn Nhật Â, sinh ngày 31/10/2013, Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Â có nguyện vọng được giao cho bà T nuôi dưỡng; hiện nay cháu Â đang sống cùng bà T. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà T là chính đáng và phù hợp theo quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên Nguyễn Nhật Â, sinh ngày 31/10/2013 cho bà T nuôi dưỡng;

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T yêu cầu ông B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đồng/ tháng. Hội đồng xét xử xét thấy mức bà T yêu cầu cấp dưỡng là phù hợp nên cần xem xét chấp nhận.

[6] Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét

[7] Về án phí hôn nhân – đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ông Nguyễn Nhật B phải chịu 300.000đồng án phí người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông Nguyễn Nhật B về việc “Tranh chấp ly hôn và con chung”

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Nhật B. Bà T và ông B ly hôn, chấm dứt hôn nhân.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Nhật Â, sinh ngày 31/10/2013 cho bà Nguyễn Thị T nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi; Buộc ông Nguyễn Nhật B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi con chung đến

đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 01/2023.

Ông Nguyễn Nhật B được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng, được trừ vào số tiền bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0011341 ngày 17/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Ông Nguyễn Nhật B phải chịu 300.000 đồng án phí người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Các đương sự;
- Chi cục THANDS huyện;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Công Thắng